

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN LẠC
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc**

Số: 22/2017/HNGĐ - ST
Ngày 26 tháng 9 năm 2017
“V/v tranh chấp hôn nhân gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Kim Thanh và bà Trần Thị Thanh Tâm.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Duẩn là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 156/2017/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2017, về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn H, xã B, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, (có mặt);

Bị đơn: Anh Trần Văn H, sinh năm 1982; nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc, (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 7 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N trình bày:

Chị và anh Trần Văn H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào ngày 01 tháng 02 năm 2013. Trước khi kết hôn, cả hai anh chị đều được tự do tìm hiểu và chưa ai kết hôn lần nào. Sau ngày cưới, chị về làm dâu gia đình anh H ngay. Quá trình chung sống, ban đầu tình cảm vợ chồng hạnh phúc. Đến cuối năm 2014, chị phát hiện ra anh H bị nghiện ma túy không quan tâm gì đến vợ con nên chị và hai bên gia đình cùng nhau khuyên bảo anh H để anh H từ

bỏ ma túy nhưng bản thân anh H không hợp tác cho nên không có kết quả. Khi chị nói thì anh H chửi bới và đối xử với mẹ con chị rất thậm tệ. Tháng 5 năm 2017, chị đã tự ý bỏ về nhà bố mẹ để sống đến tháng 7 năm 2017 thì chị nhận được thông báo của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố V về việc anh H bị bắt tạm giam về tội trộm cắp tài sản và đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Vĩnh Phúc. Xét thấy tình cảm không còn và không thể hàn gắn lại được với nhau nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn H.

Về con chung: Chị N xác định, vợ chồng có 01 con chung là Trần Mai T, sinh ngày 17 tháng 4 năm 2014, hiện nay cháu T đang ở với chị. Ly hôn nguyện vọng của chị là xin được nuôi con và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về các mối quan hệ nhân thân khác như tài sản chung, tài sản riêng, đất ở; đất canh tác; công nợ và công sức: Tại phiên tòa, chị N xác định về tài sản chung, tài sản riêng, đất ở, đất canh tác; công nợ. Vợ chồng chị không có gì nên ly hôn chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Còn về công sức, chị N xác định bản thân chị không có công sức gì đóng góp cho gia đình anh H nên ly hôn chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Trần Văn H có đơn xin giải quyết vắng mặt. Tại biên bản lấy lời khai và đơn đề nghị ngày 31/8/2017, anh H trình bày:

Anh xác định thời gian đăng ký kết hôn, thời gian chung sống và nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn như lời trình bày trên của chị N là đúng. Nay chị N xin ly hôn, nguyện vọng của anh H là mong muốn chị N nghĩ lại để vợ chồng về sống đoàn tụ, sau khi anh chấp hành hình phạt xong thì cùng nhau nuôi dạy con. Nếu như chị N vẫn kiên quyết xin ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: Anh H xác định, vợ chồng có 01 con chung như lời trình bày trên của chị N là đúng. Hiện anh đang bị tạm giam nên anh đề nghị chị N tiếp tục nuôi dưỡng con chung, khi nào anh chấp hành xong hình phạt trở về thì anh sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết sau.

Về các mối quan hệ nhân thân khác như tài sản chung, tài sản riêng, đất ở, đất canh tác; công nợ và công sức: Anh H xác định, hiện tại anh đang bị tạm giam nên anh chưa yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi nào anh chấp hành xong hình phạt trở về thì anh sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết sau.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật. Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, Thẩm phán; Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử đã làm đầy đủ và tuân theo đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng quy

định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Do vậy, đại diện Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị N và cho chị N được ly hôn với anh Trần Văn H. Giao cho chị N được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Mai T, sinh ngày 17 tháng 4 năm 2014. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N, không ai được cản trở việc thăm nom và chăm sóc con chung của anh H.

Còn về các mối quan hệ nhân thân khác như tài sản chung, tài sản riêng, đất ở, đất canh tác; công nợ và công sức: Chị N và anh H không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị N là nguyên đơn, yêu cầu xin ly hôn đối với bị đơn là anh Trần Văn H. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị N và anh H đều thừa nhận, anh chị kết hôn với nhau vào ngày 01 tháng 02 năm 2013, tại Ủy ban nhân dân xã T. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc đã thụ lý và giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự tố tụng dân sự.

Anh Trần Văn H là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất, nhưng hiện anh H đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc nên anh không thể tham gia phiên tòa được. Vì vậy, anh H đã có đơn xin giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Trần Văn H.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chị N xác định, tình cảm vợ chồng giữa chị và anh H không còn và không thể hàn gắn lại được với nhau nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H. Căn cứ vào lời trình bày của chị N và anh H trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị Nguyễn Thị N và anh Trần Văn H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T. Trước khi kết hôn, chị N và anh H đều chưa ai kết hôn lần nào. Do vậy,

cần xác định đây là cuộc hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống, chị N và anh H đều thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do anh H chơi bời dẫn đến bị nghiện ma túy không quan tâm gì đến vợ con. Chị N và hai bên gia đình đã động viên khuyên bảo nhưng anh H không những không từ bỏ được ma túy mà còn có hành vi vi phạm pháp luật. Tháng 7 năm 2017, anh H bị Công an thành phố V bắt về tội trộm cắp tài sản và đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi anh H bị bắt, chị N và anh H đã có thời gian sống ly thân với nhau. Tuy anh H có nguyện vọng xin được đoàn tụ để khi anh H mãn hạn tù trở về thì cùng nhau nuôi dạy con nhưng anh H lại không kiên quyết xin đoàn tụ mà buông xuôi nếu chị N nhất quyết ly hôn thì anh đồng ý. Chứng tỏ, tình cảm vợ chồng giữa chị N và anh H đã dần nứt đến mức độ trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xác định, yêu cầu xin ly hôn của chị N là có căn cứ nên cần chấp nhận và cho chị N được ly hôn với anh Trần Văn H.

Về con chung: Chị N và anh H đều thừa nhận, vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Mai T, sinh ngày 17 tháng 4 năm 2014, hiện nay cháu T đang ở với chị N. Ly hôn nguyện vọng của chị N là xin được nuôi con và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Còn anh H thì đồng ý để cho chị N được tiếp tục nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng, việc nuôi dạy con là quyền lợi và cũng là trách nhiệm của cả cha và mẹ. Xét thấy, yêu cầu xin nuôi con của chị N và việc anh H đồng ý giao con cho chị N nuôi trong điều kiện anh H đang đi thụ án là chính đáng và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận. Giao cho chị N được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu T. Do chị N không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Không ai được quyền cản trở việc thăm nom và chăm sóc con chung của anh H.

Về tài sản chung, tài sản riêng, đất ở, đất canh tác; công nợ và công sức: Chị N và anh H trong vụ án này không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyệt phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Trần Văn H.

2/ Về con chung: Giao con chung là Trần Mai T, sinh ngày 17 tháng 4 năm 2014 cho chị Nguyễn Thị N được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Trần Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N, không ai được cản trở việc thăm nom và chăm sóc con chung của anh H.

3/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0001808 ngày 01 tháng 8 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc, chị N đã nộp đủ.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Yên Lạc;
- Chi cục THA.DS huyện Yên Lạc;
- Các đương sự;
- UBND xã Trung Nguyên;
- Lưu HS, VT;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bích Hạnh

